

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG THƯƠNG ĐẠI THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG THƯƠNG ĐẠI THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI THANH INDUSTRY AND TRADE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAITHANH JSC HN

2. Mã số doanh nghiệp: 0109835688

3. Ngày thành lập: 26/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Quốc lộ 1A, Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961.002.838

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm Đại lý đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm Hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa và môi giới hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng và vàng nguyên liệu) Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản có sẵn và Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai	6810

22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
24.	Bán buôn tổng hợp	4690
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
27.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
33.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
34.	In ấn	1811
35.	Dịch vụ liên quan đến in Loại trừ: Rập khuôn tem	1812
36.	Sao chép bản ghi các loại	1820
37.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
38.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
39.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
40.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
41.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
42.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
43.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ sản xuất vàng miếng)	2420
44.	Đúc sắt, thép	2431
45.	Đúc kim loại màu (Loại trừ vàng miếng)	2432
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
52.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
53.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
54.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm Hoạt động của nhà đấu giá (bán lẻ))	4774
55.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm Đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
56.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
57.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Loại trừ vận tải hàng hóa hàng không	5229
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
63.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
64.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
66.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
67.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
70.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

73.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Thu gom rác thải độc hại	3812
76.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
77.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
78.	Tái chế phế liệu	3830
79.	Xây dựng nhà để ở	4101
80.	Xây dựng nhà không để ở	4102
81.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
82.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
83.	Xây dựng công trình điện	4221
84.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
85.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
86.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
87.	Xây dựng công trình thủy	4291
88.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
89.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
90.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
91.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
92.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
93.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
94.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
95.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
96.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí; kinh doanh vàng)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.990.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 26/11/2021 đến ngày 26/12/2021

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 999.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC HẢI	Thôn 8, Phường Quảng Cát, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	39.960	399.600.000	4,000	174519530	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	39.960	399.600.000	4,000		
2	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Phố Đông Văn, Phường Quảng Đông, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	59.940	599.400.000	6,000	0380930224 75	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	59.940	599.400.000	6,000		

3	NGUYỄN VĂN THỌ	Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	399.600	3.996.000.000	40,000	038085001539
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	399.600	3.996.000.000	40,000	
4	NGUYỄN THÀNH QUANG	Phố Đông Văn, Phường Quảng Đông, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	89.910	899.100.000	9,000	171445306
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	89.910	899.100.000	9,000	
5	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	409.590	4.095.900.000	41,000	038163034185
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	409.590	4.095.900.000	41,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 05/03/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038163034185

Ngày cấp: 14/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phố Đông Văn, Phường Quảng Đông, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội